

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC: HOSE)

Ngày báo cáo: 29/07/2025
Ngành: HÓA CHẤT
TPPT: Nguyễn Trần Phương Nga
Email: ngantp@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **122.000 Đồng**
Giá CP ngày 29/07/2025: 101.500 Đồng
% Tăng giá: **+20,2%**

Giá trị vốn hóa (triệu USD): 1.528
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng): 39.953
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 380
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 2.232.749
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 119/73,1
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 216,9
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 14,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang là nhà sản xuất và xuất khẩu phốt pho vàng hàng đầu và các sản phẩm liên quan như axit photphoric, phân lân và phụ gia thức ăn chăn nuôi. Sau khi tái cơ cấu doanh nghiệp vào năm 2018, DGC đang có kế hoạch đầu tư vào một nhà máy clo-kiểm để sản xuất xút, hợp chất clo, nhựa PVC và các hóa chất khác đang thiếu cung tại Việt Nam.

KQKD nửa cuối năm tích cực hơn phụ thuộc vào việc phê duyệt cấp phép khai thác quặng apatit

KQKD Q2/2025: Doanh thu đạt 2,89 nghìn tỷ đồng (+16% svck), lợi nhuận ròng đạt 891 tỷ đồng (+2% svck).

Một số cập nhật chính:

- Thuê xuất khẩu đối với phốt pho vàng sẽ tăng từ 5% lên 10% vào năm 2026 và 15% vào năm 2027. Tuy nhiên chúng tôi dự báo tác động tài chính đối với DGC là không đáng kể.
- Tăng trưởng lợi nhuận dự kiến tăng tốc trong nửa cuối năm 2025 (+19% svck) và tiếp diễn trong năm 2026 (+20% svck).

Luận điểm đầu tư

Lợi nhuận của DGC đã giảm trong 2 năm liên tiếp 2023 và 2024 theo đà giảm giá phốt pho vàng. Tuy nhiên, giá phốt pho vàng đã bắt đầu phục hồi từ cuối năm 2024 và duy trì đà tăng trong nửa đầu năm 2025. Mặc dù xu hướng giá bán tích cực, lợi nhuận của công ty trong 6 tháng đầu năm 2025 tăng trưởng khiêm tốn do thiếu nguồn cung quặng apatit – nguyên liệu đầu vào chính. Điều này không chỉ làm tăng chi phí đầu vào mà còn hạn chế sản lượng tiêu thụ, đặc biệt đối với axit photphoric.

Trong thời gian tới, chúng tôi đánh giá triển vọng nửa cuối năm 2025 của DGC sẽ tích cực hơn, phụ thuộc vào việc cấp giấy phép khai thác quặng apatit kịp thời. Việc được cấp phép sẽ giúp DGC tăng sản lượng khai thác, thúc đẩy sản lượng sản xuất và đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu lẫn lợi nhuận.

Từ tháng 7/2025, luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi sẽ cho phép DGC được hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu đầu vào, giúp giảm chi phí sản xuất phân bón khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm (tương đương 3% lợi nhuận trước thuế năm 2024). Điều này cũng góp phần giúp DGC ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận mạnh hơn trong nửa cuối năm 2025 (+19% svck), so với mức tăng trưởng +9,8% trong nửa đầu năm 2025.

Sang năm 2026, lợi nhuận ròng dự kiến đạt 4,26 nghìn tỷ đồng (+20% svck), nhờ:

- Tăng trưởng giá bán bình quân và sản lượng
- Tự chủ hơn trong nguồn cung quặng apatit
- Đóng góp cả năm từ việc tiết kiệm chi phí nhờ hoàn thuế GTGT trên nguyên vật liệu đầu vào

Định giá và Khuyến nghị

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu DGC, hỗ trợ bởi lợi nhuận phục hồi và tiềm năng được thêm vào bởi các quỹ ETF nếu thị trường chứng khoán Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi. Chúng tôi kỳ vọng thông báo nâng hạng sẽ được đưa ra vào tháng 10/2025, và dòng vốn ETF dự kiến sẽ chảy vào trong vòng 6–12 tháng sau đó.

Áp dụng hệ số P/E mục tiêu không đổi là 12x (cao hơn mức trung bình 5 năm là 10,5x, phản ánh kỳ vọng nâng hạng thị trường) trên lợi nhuận dự phóng năm 2026 (từ 2025), chúng tôi điều chỉnh giá mục tiêu 12 tháng lên 122.000 đồng/cổ phiếu (tăng từ 101.000 đồng).

Rủi ro chính

- Trì hoãn cấp phép khai thác quặng: Việc kéo dài thời gian cấp phép cho Khai Trường 25 có thể khiến tình trạng thiếu quặng apatit tiếp diễn.
- Rủi ro về giá bán: Giá bán bình quân của các sản phẩm liên quan đến phốt pho thấp hơn kỳ vọng có thể ảnh hưởng đến doanh thu và biên lợi nhuận.

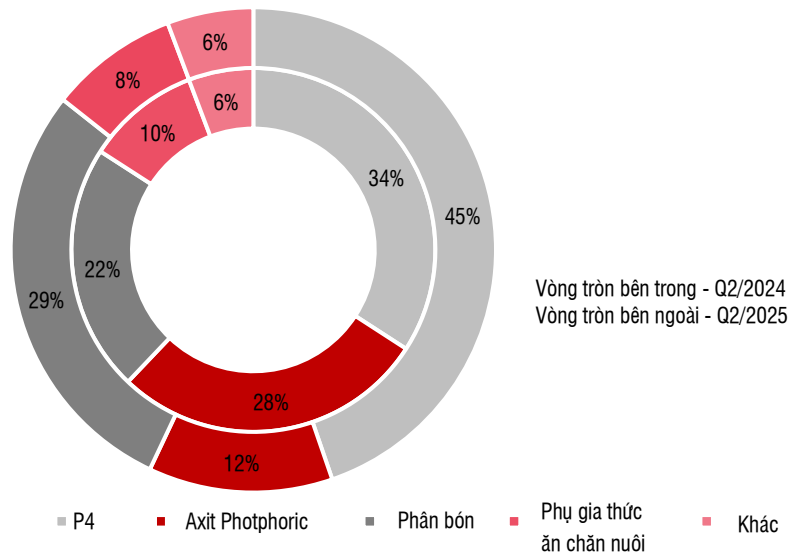
Cập nhật KQKD Q2/2025

Tỷ đồng	2Q25	2Q24	YoY	1Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2Q25	2Q24	1Q25	2024
Doanh thu thuần	2.894,4	2.504,5	15,6%	2.810,3	3,0%	54,9%				
Lợi nhuận gộp	980,8	982,8	-0,2%	980,2	0,1%		33,9%	39,2%	34,9%	35,0%
Lợi nhuận hoạt động	850,5	840,1	1,2%	850,9	-0,1%		29,4%	33,5%	30,3%	29,3%
EBIT	995,6	958,1	3,9%	984,9	1,1%		34,4%	38,3%	35,0%	34,7%
EBITDA	1.075,8	1.048,9	2,6%	1.059,7	1,5%		37,2%	41,9%	37,7%	38,5%
Lợi nhuận trước thuế	986,2	952,8	3,5%	977,9	0,9%		34,1%	38,0%	34,8%	34,5%
Lợi nhuận ròng	890,8	870,5	2,3%	836,8	6,5%	57,6%	30,8%	34,8%	29,8%	31,5%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	853,5	842,4	1,3%	809,3	5,5%		29,5%	33,6%	28,8%	30,3%

Nguồn: DGC, SSI Research

Doanh thu trong Q2/2025 tăng lên 2,89 nghìn tỷ đồng (+16% svck), chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh ở các mảng phốt pho vàng và phân bón. Tuy nhiên, doanh thu axit photphoric giảm mạnh do tình trạng thiếu hụt quặng apatit kéo dài – nguyên liệu đầu vào chính của DGC.

Cơ cấu doanh thu



Nguồn: SSI tổng hợp

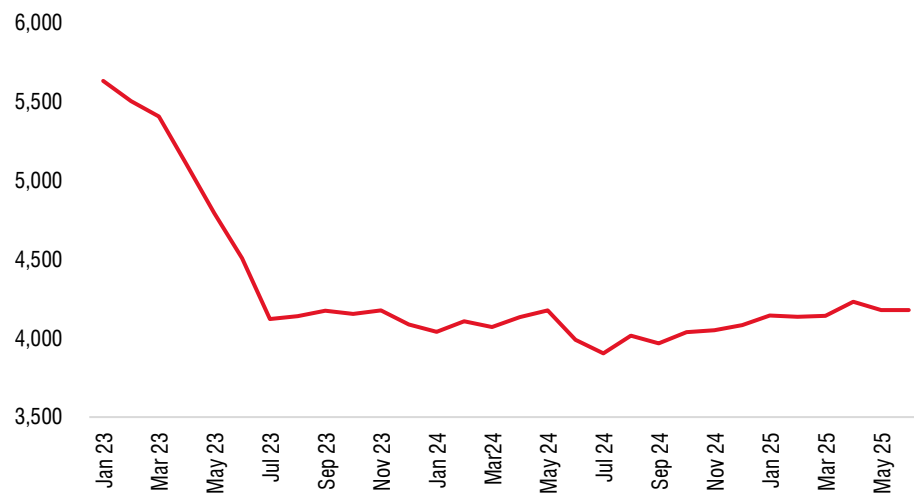
- **Phốt pho vàng:** Doanh thu tăng mạnh 47% svck, được hỗ trợ bởi sản lượng tiêu thụ tăng 40% svck và giá bán bình quân tăng nhẹ 5% svck.
- **Phân bón:** Hoạt động kinh doanh vẫn duy trì tích cực trong Q2/2025, với doanh thu tăng 46% svck. Điều này chủ yếu nhờ giá bán bình quân của phân DAP/MAP tăng 34%, trong khi giá bán bình quân của phân NPK ổn định. Sản lượng tiêu thụ tăng 16% svck đối với phân DAP/MAP và tăng đột biến 376% đối với phân NPK. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ phân lân đơn giảm 27% svck do quá trình chuyển đổi từ phân đơn sang phân hỗn hợp (từ phân lân đơn sang DAP/MAP).
- **Axit photphoric:** Doanh thu giảm 50% svck do thiếu hụt quặng apatit, mặc dù giá bán bình quân vẫn duy trì đà tăng (+7% svck).

Mặc dù giá bán bình quân của tất cả các nhóm sản phẩm đều có xu hướng tích cực, biên lợi nhuận gộp giảm từ 39,2% trong Q2/2024 xuống 33,9% trong Q2/2025. Nguyên nhân chính là do chi phí nguyên liệu đầu vào và điện tăng cao. Trong bối cảnh thiếu hụt quặng apatit trong nước, DGC buộc phải nhập khẩu quặng với giá thành cao hơn để duy trì sản xuất. Tuy nhiên, nguyên liệu nhập khẩu chỉ phù hợp để sản xuất phân bón và không thích hợp cho sản xuất axit photphoric. Điều này đã khiến cho việc sản lượng bán axit photphoric giảm mạnh trong quý.

Do biên lợi nhuận gộp thu hẹp, lợi nhuận ròng gần như đi ngang ở mức 890 tỷ đồng (+2% svck). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận ròng của DGC đạt 1,73 nghìn tỷ đồng (+10% svck), phù hợp với dự báo lợi nhuận cả năm là 3,5 nghìn tỷ đồng (+14% svck).

Triển vọng 2025 - 2026

Giá photpho vàng (Đồng/tấn)



Nguồn: SSI tổng hợp

Lợi nhuận của DGC đã giảm trong 2 năm liên tiếp 2023 và 2024 theo đà giảm giá photpho vàng. Tuy nhiên, giá photpho vàng đã bắt đầu phục hồi từ cuối năm 2024 và duy trì đà tăng trong nửa đầu năm 2025. Mặc dù được hưởng lợi từ xu hướng giá bán bình quân thuận lợi, DGC vẫn đối mặt với thách thức về thiếu hụt nguồn cung quặng apatit, dẫn đến chi phí đầu vào tăng và sản lượng tiêu thụ hạn chế (đặc biệt đối với axit photphoric), từ đó làm chậm đà tăng trưởng lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm. Việc tăng tốc lợi nhuận trong nửa cuối năm 2025 phụ thuộc vào kịp thời phê duyệt cấp phép khai thác mỏ quặng, góp phần thúc đẩy sản xuất quặng apatit và từ đó tăng sản lượng tiêu thụ. Ngoài ra, từ tháng 7/2025, chính sách thuế GTGT sửa đổi sẽ cho phép DGC được hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu đầu vào, giúp giảm chi phí sản xuất phân bón (tiết kiệm khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm, tương đương 3% lợi nhuận trước thuế năm 2024). Theo đó, chúng tôi dự báo DGC sẽ đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tích cực hơn trong nửa cuối năm 2025 (+19% svck, so với +9,8% trong nửa đầu năm).

Sang năm 2026, DGC dự kiến ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 4,26 nghìn tỷ đồng (+20% svck), được hỗ trợ bởi các yếu tố chính sau:

1. **Giá bán bình quân duy trì đà tăng:** Đà tăng giá ổn định (5-6% svck) cho các sản phẩm chủ lực sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu.
2. **Tăng cường sử dụng quặng apatit tự chủ:** Với kế hoạch mở rộng Khai Trường 25 (dự kiến bắt đầu từ Q4/2025), tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tự chủ sẽ tăng từ 70% lên 80%, giúp giảm phụ thuộc vào nguồn quặng bên ngoài và nâng cao hiệu quả chi phí.
3. **Sản lượng tiêu thụ dần phục hồi:** Khi tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào dần cải thiện từ Q4/2025, sản lượng tiêu thụ (đặc biệt là axit photphoric) dự kiến sẽ phục hồi.

Sản lượng (tấn)	2024	2025F	2026F	2025F YoY	2026F YoY
Phốt pho vàng P4	44.654	48.000	55.000	7%	15%
Axit Photphoric	83.753	52.000	58.000	-38%	12%
Phân bón	287.114	298.000	300.000	4%	1%
Phụ gia thức ăn chăn nuôi	88.542	88.000	88.000	-1%	0%

4. **Tác động nguyên nhân của quy định thuế GTGT sửa đổi:** Quy định sửa đổi cho phép hoàn thuế GTGT đầu vào sẽ có hiệu lực trong toàn bộ năm 2026, so với chỉ 6 tháng trong năm 2025. Điều này sẽ mang lại tác động tích cực đến biên lợi nhuận hoạt động, đặc biệt là đối với mảng sản xuất phân bón.

Chúng tôi ước tính KQKD giai đoạn 2025 – 2026 như sau:

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	14.444	9.748	9.865	10.666	12.123
Svck		-32,5%	1,2%	8,1%	13,7%
Lợi nhuận gộp	6.770	3.455	3.449	3.932	4.909
Biên lợi nhuận gộp	46,9%	35,4%	35,0%	36,9%	40,5%
Lợi nhuận ròng	6.040	3.253	3.107	3.544	4.259
Tăng trưởng lợi nhuận ròng		-46,1%	-4,5%	14,0%	20,2%

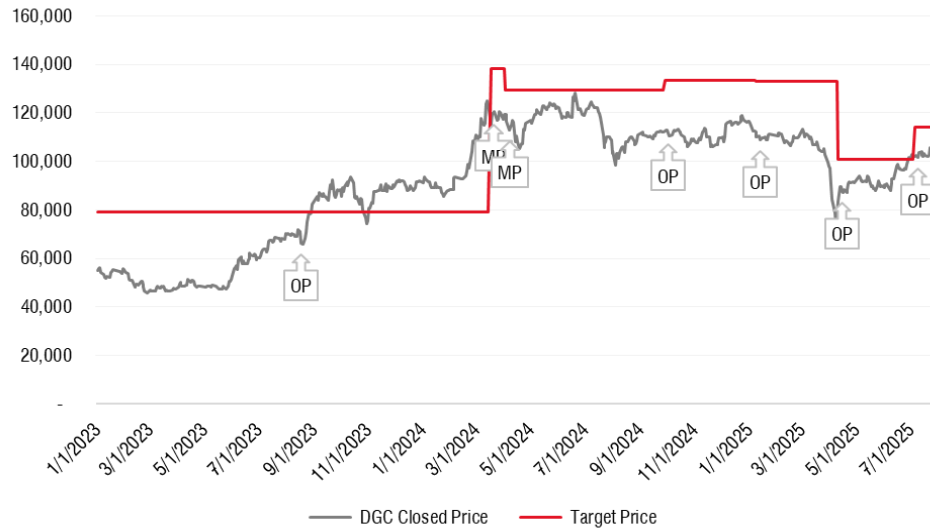
Thay đổi về thuế xuất khẩu từ năm 2026

Theo Nghị định số 199/2025/NĐ-CP, thuế xuất khẩu đối với phốt pho vàng sẽ tăng từ 5% lên 10% vào năm 2026, và tiếp tục tăng lên 15% vào năm 2027. Việc tăng thuế này được dự báo sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của phốt pho vàng Việt Nam trên thị trường quốc tế, đặc biệt so với Kazakhstan – quốc gia không áp dụng thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này. Do đó, sản lượng xuất khẩu của DGC dự kiến sẽ bị ảnh hưởng kém tích cực. Đáng chú ý, xuất khẩu hiện chiếm khoảng 75% doanh thu phốt pho vàng của DGC.

Tuy nhiên, theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), thuế xuất khẩu đối với phốt pho vàng xuất sang Nhật Bản sẽ được giảm từ 5% xuống 0% kể từ năm 2026. Việc miễn thuế này được kỳ vọng sẽ bù đắp một phần tác động kém tích cực từ việc tăng thuế, đặc biệt khi Nhật Bản chiếm khoảng 20% thị phần xuất khẩu phốt pho vàng của Việt Nam.

Để ứng phó với việc tăng thuế xuất khẩu, DGC có thể đàm phán chia sẻ chi phí với các khách hàng quốc tế hoặc chuyển hướng sử dụng phốt pho vàng để sản xuất các sản phẩm dẫn xuất ở khâu sau. Do đó, chúng tôi cho rằng tác động của việc tăng thuế đối với DGC sẽ không quá đáng kể.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.061	130	2.441	5.205
+ Đầu tư ngắn hạn	9.342	10.556	10.556	10.556
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.130	980	1.067	1.212
+ Hàng tồn kho	855	985	875	938
+ Tài sản ngắn hạn khác	79	50	85	96
Tổng tài sản ngắn hạn	12.466	12.700	15.024	18.007
+ Các khoản phải thu dài hạn	31	32	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	2.100	2.495	2.563	2.594
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	225	161	161	161
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	669	431	422	443
Tổng tài sản dài hạn	3.025	3.120	3.147	3.199
Tổng tài sản	15.492	15.820	18.171	21.205
+ Nợ ngắn hạn	3.492	2.052	2.269	2.431
Trong đó: vay ngắn hạn	1.328	864	1.145	1.226
+ Nợ dài hạn	0	67	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	3.493	2.119	2.269	2.431
+ Vốn góp	3.798	3.798	3.798	3.798
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.787	1.787	1.787	1.787
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.887	7.205	9.259	11.977
+ Quỹ khác	527	911	1.058	1.213
Vốn chủ sở hữu	11.999	13.701	15.901	18.774
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	15.492	15.820	18.171	21.205
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.115	2.939	3.669	4.322
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-794	-1.014	-500	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-797	-2.857	-858	-1.058
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-476	-931	2.311	2.764
Tiền đầu kỳ	1.535	1.061	130	2.441
Tiền cuối kỳ	1.061	130	2.441	5.205
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,57	6,19	6,62	7,41
Hệ số thanh toán nhanh	3,30	5,68	6,20	6,98
Hệ số thanh toán tiền mặt	2,98	5,21	5,73	6,48
Nợ ròng / EBITDA	-0,09	0,13	-0,06	-0,51
Khả năng thanh toán lãi vay	111,63	158,02	95,49	106,99
Ngày phải thu	23,0	22,5	17,7	17,2
Ngày phải trả	12,6	14,3	17,6	17,6
Ngày tồn kho	51,4	52,3	50,4	45,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,77	0,87	0,88	0,89
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,23	0,13	0,12	0,11
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,15	0,14	0,13
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,06	0,07	0,07
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,06	0,07	0,07

Nguồn: DGC, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	9.748	9.865	10.666	12.123
Giá vốn hàng bán	-6.293	-6.415	-6.734	-7.214
Lợi nhuận gộp	3.455	3.449	3.932	4.909
Doanh thu hoạt động tài chính	743	649	766	675
Chi phí tài chính	-102	-69	-142	-152
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-436	-447	-480	-546
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-159	-171	-181	-206
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.501	3.412	3.894	4.680
Thu nhập khác	-1	-12	0	0
Lợi nhuận trước thuế	3.499	3.400	3.894	4.680
Lợi nhuận ròng	3.253	3.107	3.544	4.259
Lợi nhuận chia cho cổ đông	3.111	2.987	3.397	4.104
Lợi ích của cổ đông thiểu số	142	121	147	154
EPS cơ bản (VND)	7.705	7.390	8.407	10.159
Giá trị sổ sách (VND)	30.531	35.173	40.579	47.738
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	3.000	3.000	3.000	3.000
EBIT	3.531	3.422	3.935	4.724
EBITDA	3.883	3.800	4.366	5.193
Tăng trưởng				
Doanh thu	-32,5%	1,2%	8,1%	13,7%
EBITDA	-42,0%	-2,1%	14,9%	18,9%
EBIT	-44,8%	-3,1%	15,0%	20,0%
Lợi nhuận ròng	-46,1%	-4,5%	14,0%	20,2%
Vốn chủ sở hữu	10,7%	14,2%	16,1%	18,1%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	16,3%	2,1%	14,9%	16,7%
Định giá				
P/E	12,3	15,8	12,5	10,4
P/B	3,1	3,3	2,6	2,2
Giá/Doanh thu	3,7	4,5	3,7	3,3
Tỷ suất cổ tức	3,2%	2,6%	2,9%	2,9%
EV/EBITDA	6,9	9,1	6,4	4,9
EV/Doanh thu	2,7	3,5	2,6	2,1
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	35,4%	35,0%	36,9%	40,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	29,8%	29,3%	31,0%	34,7%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	33,4%	31,5%	33,2%	35,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	4,5%	4,5%	4,5%	4,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,6%	1,7%	1,7%	1,7%
ROE	28,5%	24,2%	23,9%	24,6%
ROA	22,6%	19,8%	20,9%	21,6%
ROIC	26,7%	22,4%	22,7%	23,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành hóa chất

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng phân tích

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84– 28) 3824 2897 ext. 6731

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702